



032-089-3427  
Environmentally Preferred Coating

## Flowshield SL (2-3 mm)



Sàn epoxy tự phẳng có độ bóng cao, phù hợp với các yêu cầu của CSM® (Vật liệu thích hợp cho phòng sạch).

Sử dụng cho phòng sạch, phòng thí nghiệm, nhà kho và khu vực lưu trữ.



### Thích Hợp Cho Phòng Sạch:

Đạt thông số kiểm tra CSM của 3 loại tiêu chuẩn được hiển thị bên dưới.



### Tuân thủ theo USDA/FDA:

Đáp ứng đủ các yêu cầu do USDA và FDA đưa ra.



### Hợp Vệ Sinh & Dễ Vệ Sinh:

Bề mặt hoàn thiện liền mạch và có độ bóng cao, giúp vệ sinh sàn dễ dàng hơn.



### Bề Mặt Cứng Chắc:

Bề mặt hoàn thiện cứng và chống trầy xước, phù hợp cho lưu thông chịu tải trọng từ trung bình đến nặng.



Ivory



Yellow



Steel Blue



Mid Blue



Light Green



Dark Green



Chilli Red



Light Grey



Steel Grey



Charcoal

Màu thực tế có thể khác với mẫu.

Liên hệ với văn phòng Flowcrete tại địa phương để có đầy đủ mẫu và bảng màu.

## Thông số kỹ thuật\*

|  |  |               |               |
|--|--|---------------|---------------|
| <b>CHỐNG CHÁY</b>  |  |               |               |
| EN 13501-1   | B <sub>n</sub> - s1  |               |               |
| <b>CHỐNG TRƯỢT**</b>   |  |               |               |
| Method described in BS 7976-2 (typical values for 4-5 rubber slider)     | Dry>40, Wet depends on specification (in accordance with HSE and UKSRG guidelines) |               |               |
| <b>CHỊU NHIỆT</b>  |  |               |               |
| Chịu nhiệt lên đến 60 ° C  |  |               |               |
| <b>TÍNH THẤM NƯỚC</b>  |  |               |               |
| Nil – Karsten test (Không thấm)  |  |               |               |
| <b>CHỐNG TRẦY XƯỚC</b>   |  |               |               |
| Taber Abrader (Lực 1 kg sử dụng bánh xe CS17 )                           | Mất 90 mg trên 1000 vòng xoay  |               |               |
| <b>CƯỜNG ĐỘ NÉN</b>  |  |               |               |
| EN 13892-2   | >50 N/mm <sup>2</sup>  |               |               |
| <b>CƯỜNG ĐỘ UỐN</b>  |  |               |               |
| EN 13892-2   | >30 N/mm <sup>2</sup>  |               |               |
| <b>CƯỜNG ĐỘ KÉO</b>  |  |               |               |
| BS 6319  | 25 N/mm <sup>2</sup>   |               |               |
| <b>LỰC BẮM DÍNH</b>  |  |               |               |
| Lớn hơn cường độ dính kết của bê tông 25 N / mm <sup>2</sup> . > 1,5 MPa |  |               |               |
| <b>KHÁNG SINH</b>  |  |               |               |
| ISO 846  | Xuất sắc   |               |               |
| <b>HÀM LƯỢNG TVOC (Ở 23°C)</b>   |  |               |               |
| ISO 14644-8  | ISO-ACC <sub>n</sub> Class -8.7  |               |               |
| <b>ĐẠT TIÊU CHUẨN PHÒNG SẠCH</b>   |  |               |               |
| ISO 14644-1  | ISO-Class 4  |               |               |
| <b>BẢO DƯỠNG</b>   | <b>10 ° C</b>  | <b>20 ° C</b> | <b>30 ° C</b> |
| Lưu thông nhẹ  | 36 h   | 28 h          | 24 h          |
| Lưu thông bình thường  | 72 h   | 48 h          | 36 h          |
| Lưu thông hoàn toàn  | 12 d   | 7 d           | 6 d           |

\*Những thông số trên là đặc tính đạt được trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm ở 20 ° C và ở độ ẩm tương đối 50%.

\*\*Độ trơn trượt của vật liệu sàn có thể thay đổi đáng kể, do quá trình thi công, sau thời gian ngắn sử dụng, do bảo dưỡng không phù hợp, mài mòn lâu hơn và / hoặc các chất bẩn bề mặt (ướt hoặc khô). Các hệ thống kết cấu được khuyến cáo để đáp ứng các yêu cầu về giá trị độ bền trượt đối với điều kiện ẩm ướt và / hoặc chất gây ô nhiễm bề mặt (ướt hoặc khô) - Vui lòng liên hệ với nhà sản xuất để biết thêm chi tiết về thông số kỹ thuật.

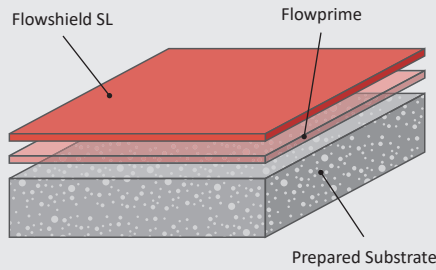


## Tiêu Chuẩn Kỹ Thuật

|              |                |
|--------------|----------------|
| Hệ thống     | Flowshield SL  |
| Bề mặt       | Gloss          |
| Độ dày       | 2-3mm          |
| Nhà sản xuất | Flowcrete Asia |

Chuẩn bị và thi công theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

## Cấu Trúc Các Lớp



## Sản phẩm bao gồm trong hệ thống

|         |               |
|---------|---------------|
| Lớp lót | Flowprime     |
| Lớp phủ | Flowshield SL |

Chất trám tùy chọn hoặc có sẵn để tạo ra bề mặt mờ hoặc tăng cường khả năng chống xước. Liên hệ với Flowcrete để biết thêm chi tiết.

Hướng dẫn ứng dụng chi tiết có sẵn theo yêu cầu.

## Yêu Cầu Bề Mặt

Nền bê tông tối thiểu phải đạt 25N / mm<sup>2</sup>, không có sạn, bụi và các tạp chất. Bề mặt phải khô đến 75% theo tiêu chuẩn BS8204 và không bị ẩm do áp lực nước ngầm.

## Dịch Vụ Thi Công

Sản phẩm phải được thi công bởi nhà thầu thi công có kinh nghiệm và được chứng nhận bằng văn bản bởi nhà sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm. Để biết thêm danh sách nhà thầu có chứng nhận, vui lòng liên lạc nhà sản xuất hoặc truy cập vào trang web [www.flowcreteasia.com](http://www.flowcreteasia.com)

## Bảo Dưỡng, Vệ Sinh Và Bảo Trì

Làm sạch thường xuyên bằng máy sấy, máy chà sàn quay một đầu hoặc hai đầu kết hợp với chất tẩy rửa có tính kiềm nhẹ.

## Yếu Tố Môi Trường

Hệ thống được đánh giá là không nguy hại đến sức khỏe & môi trường. Độ bền của sản phẩm và bề mặt không khe góp phần hạn chế công tác bảo trì và vệ sinh. Các yếu tố môi trường và sức khỏe được kiểm soát trong quá trình sản xuất và thi công sản phẩm bởi nhân viên Flowcrete và các nhà thầu được đào tạo đầy đủ và có kinh nghiệm.

## Lưu Ý Quan Trọng

Flowcrete chỉ bảo hành cho những lỗi, khuyết tật của sản phẩm được sản xuất và cung cấp theo các “Điều Khoản, Điều Kiện bảo hành và Điều Kiện Mua Bán” của hãng. Vui lòng liên lạc với đại diện nhà sản xuất để biết thêm chi tiết.

## Thông Tin Bổ Sung

Để đảm bảo lựa chọn được sản phẩm sàn phù hợp với mục đích sử dụng cho dự án của mình, Quý khách hàng nên tham khảo ý kiến tư vấn kỹ thuật của chúng tôi theo số điện thoại bên dưới hoặc truy cập vào website của chúng tôi theo lĩnh vực mà bạn quan tâm để tìm ra một trong những loại sàn tốt nhất trên thị trường.

- Màu nhạt có thể yêu cầu thêm lớp sơn để đạt được kết quả mong muốn 2. Nên sử dụng màu sơn lớp trên gần với màu sơn nền để đạt được kết quả mong muốn
- Sản phẩm này không bền với tia UV và có thể đổi màu từ khi có quy định khác 4. Bảng Dữ liệu Hệ thống được tham khảo cùng với Biện pháp thi công và Bảng dữ liệu Sản phẩm